

# GIẢI PHÁP ĐẨY MẠNH CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU LAO ĐỘNG NÔNG THÔN VÙNG TÂY BẮC

Lê Xuân Bá\*  
Đinh Xuân Nghiêml\*\*

Vùng Tây Bắc Việt Nam có nhiều tiềm năng và lợi thế để phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy điện, du lịch sinh thái. Sau hơn 20 năm thực hiện công cuộc đổi mới, tuy đạt được nhiều thành tựu quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội nhưng so với các vùng khác, Tây Bắc vẫn là vùng nghèo nhất trong cả nước, đời sống nhân dân còn nhiều khó khăn, nhất là dân cư nông thôn, người dân tộc thiểu số. Vì vậy đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế nói chung và cơ cấu lao động trong nông thôn nói riêng là mục tiêu quan trọng góp phần để Tây Bắc tiến kịp với các vùng khác trong cả nước.

Tây Bắc bao gồm các tỉnh Hoà Bình, Sơn La, Điện Biên và Lai Châu với tổng diện tích tự nhiên 3.741.263 ha, chiếm 11,3% diện tích cả nước. Cộng đồng dân cư vùng Tây Bắc rất phong phú với nhiều dân tộc chung sống. Năm 2007, dân số toàn vùng là 2,66 triệu người, chiếm 3% dân số cả nước, trong đó thành thị 370 ngàn người, nông thôn 2,3 triệu người (chiếm tỷ lệ 86,1%). Mật độ dân số tương đối thấp, với 69 người/km<sup>2</sup> (cả nước 254 người/km<sup>2</sup>). Lực lượng lao động trong độ tuổi lao động năm 2007 là gần 1,5 triệu người trong đó lao động thành thị là trên 195 ngàn người, nông thôn 1,3 triệu người chiếm 86,9%. Đặc biệt tỷ lệ lao động chưa qua đào tạo rất cao, chiếm 85% (bình quân cả nước là 76,8%), đặc biệt tỷ lệ lao động nông thôn chưa qua đào tạo lên tới 91.

Những năm gần đây, nhờ đầu tư của nhiều chương trình phát triển, tốc độ tăng trưởng kinh tế của vùng giai đoạn 2001-

2007 đạt bình quân trên 10%/năm, cao hơn mức bình quân chung của cả nước. Thu nhập bình quân/khẩu tăng từ 197 nghìn đồng năm 2002, lên 372 nghìn đồng năm 2007. Tuy vậy, khoảng cách giữa Tây Bắc và các vùng trên cả nước những năm qua lại có xu hướng mở rộng ra, thu nhập bình quân/người của vùng Tây Bắc cũng chỉ bằng 58,5% mức bình quân chung của cả nước Tỷ lệ hộ nghèo của vùng còn lên tới 37,5% trong khi bình quân chung cả nước chỉ là 14,7%.

## 1. Thực trạng chuyển dịch cơ cấu lao động nông thôn vùng Tây Bắc

### 1.1. Về trình độ chuyên môn của lao động nông thôn

Trình độ chuyên môn kỹ thuật của lao động nông thôn vùng Tây Bắc thuộc diện thấp nhất cả nước và cũng chậm chuyển dịch trong những năm qua. Nếu như năm 2001, tỷ lệ lao động chưa qua đào tạo chiếm 95,26% trong tổng lực lượng lao động thì đến năm 2007 con số này vẫn còn tới 91,97% (chỉ giảm được 3,29 điểm phần trăm), cao hơn nhiều so với bình quân chung cả nước là 73,33%.

\* Lê Xuân Bá, Phó giáo sư, Tiến sĩ kinh tế, Phó Viện trưởng, Viện Nghiên cứu Quản lý Kinh tế Trung ương.

\*\* Đinh Xuân Nghiêml, Thạc sĩ kinh tế, nghiên cứu viên Ban Nghiên cứu Chính sách Phát triển Nông thôn, Viện Nghiên cứu Quản lý Kinh tế Trung ương.

**Bảng 1. Cơ cấu Lao động theo trình độ chuyên môn vùng Tây Bắc.**

TT	Trình độ	Tại thời điểm 1/10/2001		Năm 2007		Cả nước năm 2007
		Số người	Cơ cấu (%)	Số người	Cơ cấu (%)	Cơ cấu (%)
1	Chưa qua đào tạo	868.634	95,26	1.181.140	91,97	73,33
2	Sơ cấp, công nhân kỹ thuật	16.100	1,77	68.124	5,3	20,44
3	Trung cấp	20.107	2,21	27.640	2,15	3,66
4	Cao đẳng	4.535	0,50	4.268	0,33	1,30
5	Đại học trở lên	2.475	0,27	3.090	0,24	1,26
	<b>Tổng cộng</b>	<b>911.851</b>	<b>100,00</b>	<b>1.284.262</b>	<b>100,00</b>	<b>100,00</b>

*Nguồn:* Kết quả điều tra nông nghiệp nông thôn năm 2006, Tổng cục Thống kê; Điều tra lao động việc làm 2007, Bộ Lao động TBXH.

Trong số lao động được đào tạo thì chủ yếu là ở trình độ sơ cấp. Tỷ lệ lao động có trình độ sơ cấp tăng từ 1,77% năm 2001 lên 5,3% năm 2007. Ngược lại, tỷ lệ lao động có trình độ từ trung cấp trở lên lại có xu hướng giảm xuống từ 2,98% xuống 2,72% trong cùng kỳ.

### **1.2. Về chuyển dịch cơ cấu lao động nông thôn theo ngành kinh tế**

Những năm qua, cơ cấu kinh tế Tây Bắc

đạt được những bước tiến bộ quan trọng. Đến năm 2007, cơ cấu kinh tế theo ngành của toàn vùng như sau: Nông, lâm, ngư nghiệp 42%; công nghiệp, xây dựng 23,7%; dịch vụ, thương mại 34,3%. Trong khi đó cơ cấu lao động hầu như không thay đổi, đại đa số lao động vẫn ở trong khu vực nông nghiệp nên đã làm gia tăng áp lực việc làm - thất nghiệp vốn đã rất gay gắt trong nông thôn vùng Tây Bắc.

**Bảng 2: Cơ cấu lao động nông thôn phân theo ngành kinh tế vùng Tây Bắc.**

TT	Ngành kinh tế	Tại thời điểm 1/10/2001		Năm 2007		Cả nước năm 2007
		Số người	Cơ cấu (%)	Số người	Cơ cấu (%)	Cơ cấu (%)
1	Nông, lâm, thủy sản	853.564	93,61	1.179.927	91,88	51,16
2	CN xây dựng	8.263	0,91	29.245	2,28	19,49
3	Dịch vụ	48.272	5,29	62.177	4,84	29,35
4	Thiếu việc làm	1.752	0,19	12.913	1,01	5,22
	<b>Tổng cộng</b>	<b>911.851</b>	<b>100</b>	<b>1.284.262</b>	<b>100</b>	<b>100</b>

*Nguồn:* Kết quả điều tra Nông nghiệp nông thôn năm 2006 của Tổng cục thống kê và Điều tra lao động việc làm 2007 của Bộ Lao động Thương binh Xã hội.

Năm 2007, trong số 1,3 triệu lao động nông thôn toàn vùng thì lao động nông nghiệp chiếm tỷ lệ 92%, lao động công nghiệp chiếm 2,28% và lao động dịch vụ chiếm 4,48%. Cũng trong năm đó, cơ cấu lao động nông thôn cả nước theo ngành tương ứng là 51,16%, 19,49% và 29,35%. Điều đó cho thấy, đại đa số lao động nông thôn Tây Bắc vẫn chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp và sự tụt hậu của vùng trong chuyển dịch cơ cấu lao động là khá rõ. Từ năm 2001 đến 2007, cơ cấu lao động nông

NGHIỆP MỚI GIẢM 1,73 ĐIỂM PHẦN TRĂM (từ 93,61% xuống 91,88%), các ngành công nghiệp và dịch vụ không thu hút được lao động ra khỏi nông nghiệp. Trong cùng kỳ, cơ cấu lao động công nghiệp cũng chỉ tăng 1,37 điểm phần trăm và chiếm tỷ trọng không đáng kể, tăng từ 0,91% lên 2,28%. Đặc biệt, tỷ trọng lao động trong lĩnh vực dịch vụ lại giảm từ 5,29% xuống 4,48% (giảm 0,45 điểm phần trăm), ngược với xu thế chung là tăng tỷ trọng lao động dịch vụ và các hoạt động phi nông nghiệp trong nông thôn.

**1.3. Về chuyển dịch cơ cấu lao động trong nội bộ ngành nông, lâm, ngư nghiệp**

**Bảng 3: Cơ cấu Lao động nông thôn theo ngành nông nghiệp.**

TT	Ngành	1/10/2001		1/7/2006		Tăng giảm so với 01/10/2001	
		Số người	Cơ cấu (%)	Số người	Cơ cấu (%)	Số người	Cơ cấu (%)
1	Nông nghiệp	849.542	99,53	1.008.105	99,32	158.563	-0,2
2	Lâm nghiệp	3.214	0,38	4.991	0,49	1.777	0,1
3	Thủy sản	808	0,09	1.951	0,19	1.143	0,1
	<b>Tổng cộng</b>	<b>853.564</b>	<b>100</b>	<b>1.015.047</b>	<b>100,00</b>	<b>161.483</b>	

*Nguồn:* Kết quả điều tra NNNT năm 2006 – Tổng cục thống kê; Điều tra lao động việc làm 2007, Bộ Lao động TBXH.

Trong tổng số 850 ngàn lao động ngành nông, lâm, thủy sản nông thôn Tây Bắc năm 2001, lao động nông nghiệp chiếm 99,53%, lao động lâm nghiệp và thủy sản chỉ chiếm tương ứng 0,38% và 0,09%. Đến năm 2006 tổng số lao động ngành nông, lâm, thủy sản lên tới trên 1 triệu người, tỷ lệ lao động nông nghiệp còn rất cao tới 99,32%, tỷ lệ lao động trong ngành lâm nghiệp và thủy sản tương ứng là 0,49% và 0,09%. Như vậy, đại đa số lao động trong nông thôn vẫn chủ yếu dựa vào hoạt động sản xuất nông nghiệp là chính trong khi sản xuất nông nghiệp lại chưa có sự chuyển dịch đáng kể. Phương thức canh tác nông nghiệp chủ yếu vẫn là sản xuất phân tán, nhỏ lẻ theo quy mô hộ gia đình.

Kinh tế trang trại mới trong giai đoạn đầu phát triển nên chưa thu hút, giải quyết được việc làm cho nhiều lao động; đến nay toàn vùng mới có 522 trang trại, trong đó 38 trang trại cây hàng năm, 44 trang trại cây lâu năm, 201 trang trại chăn nuôi và 125 trang trại lâm nghiệp. Chăn nuôi, nhất là chăn nuôi gia súc là thế mạnh của vùng, nhưng phương thức chăn thả trong rừng, quanh vườn nhà vẫn còn phổ biến. Cơ cấu sản xuất lâm nghiệp chưa hợp lý, có tới trên 88% giá trị lâm nghiệp từ khai thác gỗ và lâm sản, trong khi chỉ có 3% từ trồng rừng và 9% từ lâm sản khác. Hệ thống hồ thủy điện, sông suối có tiềm năng lớn phát triển thủy sản nhưng chưa được khai thác hiệu quả.

## 2. Thách thức chủ yếu đối với chuyển dịch cơ cấu lao động nông nghiệp nông thôn vùng Tây Bắc

Một số thách thức chủ yếu đối với chuyển dịch cơ cấu lao động nông nghiệp nông thôn vùng Tây Bắc có thể được tổng hợp như sau:

- Chậm chuyển dịch cơ cấu kinh tế: Cơ cấu GDP của vùng trong giai đoạn 2001-2007 tuy có sự chuyển dịch theo hướng giảm tỷ trọng nông nghiệp tăng tỷ trọng của công nghiệp và dịch vụ, nhưng tốc độ chuyển dịch chậm. Tỷ trọng nông nghiệp trong GDP giảm từ 50,4% năm 2001 xuống 41,2% năm 2007, tỷ trọng công nghiệp tăng từ 16,6% lên 23,5% và tỷ trọng dịch vụ tăng tương ứng từ 33,0% lên 35,3% trong cùng kỳ. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch chậm nên tạo ra ít cơ hội chuyển dịch lao động giữa các ngành, rút lao động từ nông nghiệp sang các hoạt động phi nông nghiệp.

- Công nghiệp và ngành nghề nông thôn còn nhỏ bé về quy mô, sản xuất phân tán, sử dụng công nghệ lạc hậu, chủng loại sản phẩm nghèo nàn, chất lượng sản phẩm thấp, giá thành cao, không cạnh tranh được với sản phẩm của các địa phương khác. Trong cơ cấu ngành công nghiệp, công nghiệp khai khoáng chiếm tỷ trọng lớn trong khi các ngành công nghiệp chế tạo chưa có nhiều khởi sắc nên chưa tạo thêm nhiều giá trị gia tăng và việc làm mới cho người lao động.

- Nông nghiệp sản xuất phân tán, kỹ thuật canh tác lạc hậu, phụ thuộc nhiều vào thiên nhiên. Cơ cấu sản xuất nông nghiệp chậm chuyển dịch, tình trạng độc canh cây trồng và du canh du cư vẫn còn tồn tại. Tuy đã hình thành và phát triển mạnh một số sản phẩm nông sản hàng hoá như chè, mận, mơ, ngô,... trong những năm gần đây nhưng hiệu quả và tính bền vững chưa cao, chưa tạo được thương hiệu và năng lực cạnh tranh trên thị trường. Hiệu quả sản xuất thấp, dẫn tới thu nhập của nông dân không đảm bảo, tỷ lệ đói nghèo 37,5% (năm 2007) cao nhất trong cả nước, trong đó Lai Châu

55,3%; Điện Biên 40,8%; Sơn La 37,1% và Hoà Bình 30,9%.

- Thiếu vốn cho đầu tư phát triển sản xuất: Thu nhập và đời sống dân cư vùng Tây Bắc thấp nhất trong cả nước, thu nhập bình quân đầu người chưa bằng 50% mức thu nhập bình quân của cả nước nên nguồn vốn tự tích lũy và đầu tư phát triển bị hạn chế. Trong khi đó thu ngân sách không đủ chi và phải dựa vào nguồn hỗ trợ của ngân sách Trung ương là chủ yếu. Thu hút vốn bên ngoài vào gặp khó khăn do điều kiện cơ sở hạ tầng yếu kém làm tăng chi phí sản xuất, sức mua thấp nên chưa hấp dẫn các nhà đầu tư. Đến nay, toàn vùng mới thu hút được khoảng 30 dự án FDI với số vốn trên 115 triệu USD, tỷ lệ đóng góp của khu vực có vốn đầu tư nước ngoài vào kinh tế của vùng rất thấp, chưa tới 1%.

- Điều kiện vị trí địa lý kém thuận lợi, kết cấu hạ tầng yếu kém, chưa theo kịp yêu cầu của hội nhập kinh tế. Đặc biệt, giao thông kém nhưng chậm được khắc phục là cản trở lớn nhất cho hội nhập kinh tế của vùng. Đường quốc lộ số 6 là trục giao thông quan trọng, tuy đã được nâng cấp nhưng chưa đáp ứng được yêu cầu của vận tải hành khách và hàng hoá nhất là vào mùa mưa. Giao thông đường thuỷ cũng gặp khó khăn do địa hình chia cắt, độ dốc lớn. Giao thông đường hàng không hoạt động không ổn định.

- Tỷ lệ tăng dân số cao, trong khi khả năng giải quyết việc làm tại chỗ hạn chế nên sức ép việc làm trong nông thôn rất căng thẳng. Hơn nữa, chất lượng nguồn nhân lực nông thôn thấp, tỷ lệ lao động chưa qua đào tạo cao (cao nhất cả nước). Kỹ thuật canh tác nông, lâm nghiệp còn lạc hậu, tình trạng du canh du cư, đốt phá rừng làm nương rẫy, độc canh và quảng canh vẫn phổ biến ở các xã vùng cao. Cán bộ thiếu và cơ cấu cán bộ không hợp lý, chưa đáp ứng được yêu cầu về trình độ chuyên môn kỹ thuật, nhất là cán bộ khoa học - kỹ thuật cao, cán bộ quản lý kinh tế giỏi. Đội ngũ cán bộ có trình độ đại học là con em các dân tộc thiểu số còn quá ít,

trong khi cán bộ miền xuôi lên công tác ở Tây Bắc chưa yên tâm gắn bó lâu dài, do chế độ chính sách thu hút nhân tài của các tỉnh trong vùng chưa có hoặc chưa phát huy tác dụng. Bên cạnh đó, người lao động trong vùng còn chịu ảnh hưởng nặng của tác phong sản xuất tiểu nông, chưa hình thành được ý thức tổ chức kỷ luật, tác phong sản xuất công nghiệp, trình độ về ngoại ngữ và sử dụng máy tính hạn chế... đã ảnh hưởng tiêu cực tới khả năng tìm kiếm việc làm tại các khu công nghiệp trong và ngoài vùng.

- Cơ cấu ngành, nghề được đào tạo còn bất cập, chưa đáp ứng được yêu cầu của thị trường và hội nhập quốc tế, thiếu lao động chuyên môn - kỹ thuật cao trong nhiều ngành nghề, lĩnh vực đang có xu hướng phát triển nhanh. Hầu hết việc làm đòi hỏi kỹ năng cao đều phải lấy người từ vùng khác đến. Bên cạnh đó, hệ thống cơ sở dữ liệu và chất lượng thông tin dự báo về cung - cầu lao động còn hạn chế, hệ thống giao dịch việc làm còn thiếu và yếu, chưa đảm bảo được các hoạt động tư vấn, giới thiệu việc làm, thu thập, cung cấp thông tin thị trường lao động, chưa kịp thời phục vụ cho công tác chỉ đạo, điều hành hoạt động chính sách phát triển việc làm.

### **3. Giải pháp đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu lao động nông thôn vùng Tây Bắc thời gian tới**

Để thực hiện tốt chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước về chuyển dịch cơ cấu kinh tế, chuyển dịch cơ cấu lao động nhằm mục tiêu xóa đói giảm nghèo, tạo nhiều việc làm bền vững và chất lượng cao cho người lao động và phát huy tối đa nhân tố con người trong sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá, vùng Tây Bắc cần tập trung thực hiện tốt một số giải pháp sau:

- Tập trung sức đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế nói chung và cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn nói riêng theo hướng công nghiệp hoá để tạo cơ hội việc làm, nhất là việc làm phi nông nghiệp cho người lao động. Trong đó các địa phương cần đặc biệt chú trọng tới đa dạng hoá các loại hình ngành

nghề trên địa bàn nông thôn để khai thác lợi thế về tiểu vùng sinh thái qua đó đảm bảo ổn định việc làm hiện có cho nông dân đồng thời tạo thêm việc làm mới. Đẩy mạnh khuyến khích doanh nghiệp đầu tư về nông thôn, khuyến khích hộ mở mang hoạt động kiêm nghề, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ nhỏ; đa dạng hoá ngành nghề, nhất là phát triển các ngành nghề truyền thống sản xuất các hàng thủ công mỹ nghệ xuất khẩu và phát triển khu vực kinh tế tư nhân, nhất là hỗ trợ phát triển doanh nghiệp vừa và nhỏ trong vùng. Tổ chức cho lao động nông thôn tham gia xây dựng các dự án công cộng. (Cần phân tích thêm tiềm năng và khả năng/mức độ có thể chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở Tây Bắc)

- Xây dựng và triển khai quy hoạch mạng lưới dạy nghề, củng cố mạng lưới trường dạy nghề để đảm bảo thực hiện chính sách dạy nghề cho số học sinh tốt nghiệp các trường phổ thông dân tộc nội trú trên địa bàn vùng, cần đầu tư thành lập mới một số trường dạy nghề dân tộc thiểu số nội trú và nâng cấp chuyển đổi các trường dạy nghề trong vùng lên thành trường trung cấp nghề, cơ cấu lại ngành nghề đào tạo của mỗi trường cho phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của vùng, phù hợp với năng lực của các cơ sở dạy nghề trên địa bàn. Hình thành mạng lưới trường cao đẳng nghề và trung tâm dạy nghề: Nâng cấp một số trường trung học chuyên nghiệp và trường dạy nghề mạnh thành trường cao đẳng nghề. Hình thành mạng lưới trung tâm dạy nghề cấp liên huyện. (Đây là "mong muốn", còn thực tế không đơn giản: ví dụ, giáo viên dạy nghề, chương trình dạy nghề, nguồn kinh phí ở đâu để thực hiện những điều này? vì vậy cần phân tích thêm khó khăn lớn nhất trong vấn đề dạy nghề là gì, cách khắc phục và khả năng khắc phục đến đâu ở vùng Tây Bắc. Có như vậy, giải pháp mới tương đối sát thực tế và khả thi hơn).

- Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng và xã hội hóa dạy nghề. Phát triển nhanh cơ sở dạy nghề ngoài công lập, xây dựng thêm trường

dạy nghề và trung tâm dạy nghề cấp huyện phù hợp với quy mô đào tạo của địa phương đáp ứng nhu cầu chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động của nông thôn của vùng.

Ưu tiên phân bổ kinh phí để đầu tư xây dựng và nâng cấp các cơ sở dạy nghề, cấp cơ sở vật chất trang thiết bị, giáo trình đào tạo dạy nghề để có đủ điều kiện thực hiện dạy nghề nội trú, phù hợp với đặc điểm văn hóa, phong tục, tập quán của đồng bào dân tộc và nhu cầu thực tế của địa phương. Đẩy mạnh các lớp đào tạo bồi dưỡng ngắn hạn tạo điều kiện cho người học lựa chọn nghề phù hợp với điều kiện cụ thể của mình và học tập nâng cao trình độ nghề nghiệp trong suốt cuộc đời lao động. Tổ chức tốt công tác đào tạo nghề, giáo dục định hướng cho lao động xuất khẩu.

- Xây dựng các doanh nghiệp xuất khẩu lao động đủ mạnh, có năng lực cạnh tranh nhằm khai thác và thâm nhập các thị trường nhận lao động đẩy mạnh xuất khẩu lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài.

- Tăng cường việc nâng cấp và hoàn thiện cơ sở hạ tầng nông thôn, đặc biệt hệ thống đường giao thông trên cơ sở quy hoạch một cách khoa học các vùng nông thôn. Đặc biệt chú ý tình bền vững của các công trình hạ tầng để chúng phát huy tác dụng thúc đẩy thị trường hàng hoá nông thôn phát triển, tạo mối liên kết chặt chẽ với với các đô thị trong vùng và các vùng khác trong nước./.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Báo cáo tình hình phát triển kinh tế xã hội các năm 2001 - 2007, UBND Tỉnh Sơn La.
- Báo cáo tình hình phát triển kinh tế xã hội các năm 2001-2007, UBND Tỉnh Điện Biên.
- Báo cáo tình hình phát triển kinh tế xã hội các năm 2001-2007, UBND Tỉnh Lai châu.
- Báo cáo tình hình phát triển kinh tế xã hội các năm 2001-2007, UBND Tỉnh Hòa Bình.
- Chiến lược phát triển giáo dục 2001 – 2010, Ban hành kèm theo Quyết định số 201/2001/QĐ - TTg ngày 28 tháng 12 năm 2001 của Thủ tướng Chính phủ.
- Chương trình mục tiêu quốc gia về việc làm đến năm 2010, ban hành kèm theo quyết định Số: 101/2007/QĐ-TTg Phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia về việc làm đến năm 2010 ngày 06 tháng 7 năm 2007.
- Điều tra NNNT 2006, Tổng cục Thống kê.
- Điều tra Lao động việc làm các năm 2006-2007, Bộ Lao động Thương binh xã hội.
- Quyết định số 27/2008/QĐ - TTg ngày 5/2/2008. Về việc ban hành một số cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội đối với các tỉnh Vùng trung du và miền núi Bắc Bộ đến năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ.

- 1 Kết quả điều tra lao động và việc làm năm 2007- Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội
- 2 Nguồn - Tổng cục thống kê.